

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2022

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Hồng Ngọc.

2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Trường A, sinh năm 1992

Địa chỉ: khóm TM, phường TQĐ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Bảo Q, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường NTT, khóm TB, phường AH, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Trường A trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị A và anh Q sau thời gian tìm hiểu khoảng 04 tháng thì tổ chức đám cưới vào ngày 31/12/2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp. Trong vấn đề tiền

bạc, anh Q chi tiêu không rõ ràng. Tiền lương hàng tháng anh Q có đưa cho Chị A để lo cho con nhưng không nhiều. Số tiền còn lại anh Q quản lý, sử dụng vào mục đích gì Chị A không biết, Chị A hỏi thì anh Q nói trả nợ, nhưng nợ ai thì anh Q không nói và Chị A cũng không biết. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mỗi lần gây gổ, cự cãi thì anh Q lại dọn đồ ra ngoài sống, vài ba tháng thì quay về xin lỗi, hàn gắn nhưng được một thời gian thì vợ chồng lại gây gổ. Bản thân anh Q cũng đã từng hứa trước mặt cha mẹ hai bên, là sẽ thay đổi nhưng sau đó vẫn tính nào tật nấy. Trong suốt 7 năm sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi về tiền bạc. Cũng vì những mâu thuẫn trên mà sau đám cưới, anh Q nhiều lần đề nghị Chị A làm thủ tục kết hôn nhưng Chị A không đồng ý. Nay Chị A nhận thấy chung sống với anh Q không hạnh phúc, tình cảm không còn, Chị A yêu cầu được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Có 01 con tên Phạm Ngọc Minh A1, sinh ngày 06/6/2016 (hiện đang sống với Chị A). Khi ly hôn Chị A yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay để đảm bảo quyền lợi cho con sau ly hôn nên Chị A yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị A xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Bảo Q trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Q thống nhất theo lời trình bày của Chị A về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới. Sau khi cưới khoảng 02 năm thì vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn do vấn đề kinh tế, tiền bạc. Anh Q làm nghề trang trí, thu nhập hàng tháng cũng có lo cho vợ con, tháng nào thu nhập nhiều thì đưa nhiều, thu nhập ít đưa ít, không cố định. Tuy nhiên, từ tháng 6/2021 đến nay do dịch bệnh nên công việc làm ăn khó khăn, thu nhập có được anh Q giữ lại để trả tiền mua vật tư phục vụ cho công việc trang trí nên không còn đưa tiền cho Chị A. Từ những mâu thuẫn về tiền bạc nên vợ chồng cự cãi, mỗi lần cự cãi để tránh xung đột xảy ra nên anh Q dọn ra ngoài nhà trọ ở, một thời gian Chị A hết giận thì quay về sống chung.

Nay anh Q không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương Chị A, anh Q hứa thời gian sau này sẽ lo cho vợ con chu đáo hơn. Tại phiên Tòa hôm nay, anh Q xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn, tình cảm không còn, nên anh Q đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con tên Phạm Ngọc Minh A1, sinh ngày 06/6/2016 (hiện đang sống với Chị A). Khi ly hôn anh Q đồng ý để Chị A nuôi con, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về chia tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh Q.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Phạm Ngọc Minh A1, sinh ngày 06/6/2016 cho Chị A chăm sóc, nuôi dưỡng

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phạm Thị Trường A yêu cầu ly hôn anh Trần Bảo Q. Do Chị A và anh Q chung sống không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng’. Bị đơn anh Trần Bảo Q cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Phạm Thị Trường A về việc yêu cầu ly hôn anh Trần Bảo Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Chị A và anh Q chung sống như vợ chồng từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến nay, chị A và anh Q phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị A và anh Q đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong

quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa chị A và anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vấn đề tiền bạc. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gổ cự cãi, mỗi lần vợ chồng cự cãi thì anh Q lại dọn đồ ra ngoài sống, dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt. Nay anh chị xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm không còn, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận Chị A và anh Q là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị A và anh Q xác định quá trình chung sống có 01 con chung tên Phạm Ngọc Minh A1, sinh ngày 06/6/2016 (hiện đang sống với Chị A). Khi ly hôn, Chị A và anh Q thống nhất thỏa thuận giao cho Chị A được quyền nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn giữa Chị A và anh Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho Chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Minh A1. Anh Q được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, Chị A yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Về phía anh Q cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh Q, không trái với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu Minh A1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Q có nghĩa cấp dưỡng nuôi con Phạm Ngọc Minh A1 mỗi tháng là 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (07/3/2022) cho đến khi cháu Minh A1 đủ 18 tuổi.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh Q trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Trường A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn); Anh Trần Bảo Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Trường A và anh Trần Bảo Q.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Phạm Thị Trường A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Ngọc Minh A1, sinh ngày 06/6/2016 (hiện đang sống với Chị A).

Anh Trần Bảo Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án (07/3/2022) cho đến khi cháu Phạm Ngọc Minh A1 đủ 18 tuổi.

Anh Trần Bảo Q có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Trường A nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, chị A đã nộp ngày 10/12/2021 theo biên lai thu số 0000454 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Anh Trần Bảo Q nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPSTĐ;
- THA Dân sự TPSTĐ;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy